

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **38/2020/DS-ST**
Ngày: 30-12-2020
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Hoàng Khương

2. Ông Huỳnh Văn Thêm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Nguyễn - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2020/QĐXXST-DS ngày 04/12/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1980 (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị Tuyết X, sinh năm 1979 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Khu phố VD, thị trấn T, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Vào ngày 23/7/2020 bà có cho bà X vay số tiền là 5.000.000 đồng, có làm biên nhận nợ, thời hạn vay là 01 tháng, theo biên nhận không có thỏa thuận lãi suất nhưng thực tế giữa các bên có thỏa thuận là 5.000.000 đồng tiền gốc thì lãi suất 250.000đ/tháng. Đến ngày 24/8/2020 có yêu cầu bà X trả nợ nhưng bà X không trả mà cho rằng đã trả nợ xong. Tại đơn khởi kiện yêu cầu bà X phải trả nợ gốc là 5.000.000 đồng và lãi suất từ ngày vay 23/7/2020 đến ngày

16/10/2020 là 625.000 đồng. Tại phiên tòa, bà Đ xác định tiền lãi là 1.250.000 đồng, yêu cầu bà X trả số tiền vay nợ gốc là 5.000.000 đồng, thống nhất rút yêu cầu lãi suất, không yêu cầu bà X trả lãi suất.

Bị đơn bà Lê Thị Tuyết X trình bày: Bà X thừa nhận có vay nợ của bà Đ số tiền là 5.000.000 đồng vào ngày 23/7/2020, có ký biên nhận nợ cho bà Đ. Thời hạn vay theo biên nhận là 01 tháng, nhưng thực tế nếu bà X có tiền trước thì trả trước cho bà Đ. Theo biên nhận không có thỏa thuận tiền lãi suất nhưng thực tế các bên có thỏa thuận tiền lãi suất là 250.000đ/tháng. Sau khi bà X nhận tiền vay xong thì đến khoảng 09 ngày sau bà X đã trả cho bà Đ 5.000.000 đồng và tiền lãi là 72.000 đồng. Nay bà X xác định không còn nợ nên không đồng ý trả số tiền nợ gốc 5.000.000 đồng theo yêu cầu của bà Đ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Đ, buộc bị đơn bà X trả cho bà Đ số tiền vay nợ gốc là 5.000.000 đồng. Đối với yêu cầu lãi suất là 1.250.000 đồng do bà Đ đồng ý rút lại yêu cầu nên đề nghị đình chỉ đối với yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay là 5.000.000 đồng. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản ” theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thẩm quyền:* Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 mà bị đơn bà X có nơi cư trú trên địa bàn huyện Vĩnh Thuận nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] *Về nội dung:* Các bên đều thống nhất có sự việc bị đơn bà X đã vay của bà Đ số tiền nợ gốc là 5.000.000 đồng. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 92 (*quy định các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh*) của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án công nhận số nợ vay 5.000.000 đồng các bên thừa nhận là sự thật.

Nguyên đơn bà Đ yêu cầu bà X trả số tiền vay nợ gốc là 5.000.000 đồng, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là 01 biên nhận nợ của bà X ngày 23/7/2020. Bị đơn bà X thống nhất có vay nợ của bà Đ nhưng cho rằng đã trả xong mà không có chứng cứ gì chứng minh do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét chấp nhận ý kiến của bà X.

Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Điều 463 (*quy định về hợp đồng vay tài sản*), Điều 466 (*quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay*) của Bộ luật dân sự 2015. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà X trả số tiền nợ gốc còn thiếu là 5.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà Đ có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà X không trả số tiền trên thì còn phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự 2015.

Bà Đ xác định tiền lãi suất từ ngày vay là 23/7/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 30/12/2020 với tổng số tiền là 1.250.000 đồng. Bà Đ thấy rằng lãi suất thỏa thuận giữa các bên là 60%/năm đã cao so với quy định của pháp luật nên bà Đ đồng ý rút toàn bộ yêu cầu lãi suất, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 (*xem xét việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu*) của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Đ về lãi suất.

[4] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn bà X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự; Điều 6, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản với bị đơn bà Lê Thị Tuyết X. Buộc bà X phải trả cho bà Đ số tiền vay nợ gốc 5.000.000 đồng.

Kể từ khi ngày bà Đ có đơn yêu cầu thi hành án nếu X không trả đủ số tiền trên thì còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu lãi suất của bà Đ do đã rút yêu cầu.

3. Về án phí:

Bà Lê Thị Tuyết X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003894 ngày 16/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND thị trấn Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phụng